



BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VND)
Loại 1 pha 200~230VAC			HD	ND	V/f, sensorless vector control, tích hợp điện trở thẳng, RS485 (LS Bus / Modbus RTU) dùng cho các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy đóng gói...)	
SV004IG5A-1	0.4KW	1/2HP	2.5A	-	1 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím	3.520.000
SV008IG5A-1	0.75KW	1HP	5A	-		3.780.000
SV015IG5A-1	1.5KW	2HP	8A	-		4.250.000
Loại 3 pha 200~230VAC			HD	ND	V/f, sensorless vector control, tích hợp điện trở thẳng, RS485 (LS Bus / Modbus RTU)	
SV004IG5A-2	0.4 KW	1/2HP	2.5A	-	 <p>3 pha, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím</p>	3.190.000
SV008IG5A-2	0.75 KW	1HP	5A	-		3.450.000
SV015IG5A-2	1.5 KW	2HP	8A	-		3.990.000
SV022IG5A-2	2.2KW	3HP	12A	-		4.610.000
SV037IG5A-2	3.7KW	5HP	16A	-		5.210.000
SV040IG5A-2	4KW	5.4HP	17A	-		5.210.000
SV055IG5A-2	5.5KW	7.5HP	24A	-		7.800.000
SV075IG5A-2	7.5KW	10HP	32A	-		8.730.000
SV110IG5A-2	11KW	15HP	46A	-		16.020.000
SV150IG5A-2	15KW	20HP	60A	-		18.480.000
SV185IG5A-2	18.5KW	25HP	74A	-		21.290.000
SV220IG5A-2	22KW	30HP	88A	-		25.260.000
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND		V/f, sensorless vector control, tích hợp điện trở thẳng, RS485 (LS Bus / Modbus RTU)
SV004IG5A-4	0.4 KW	1/2HP	1.25A	-	 <p>3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím</p>	3.430.000
SV008IG5A-4	0.75 KW	1HP	2.5A	-		3.620.000
SV015IG5A-4	1.5 KW	2HP	4A	-		3.970.000
SV022IG5A-4	2.2KW	3HP	6A	-		4.520.000
SV037IG5A-4	3.7KW	5HP	8A	-		5.380.000
SV040IG5A-4	4.0KW	5.4HP	9A	-		5.380.000
SV055IG5A-4	5.5KW	7.5HP	12A	-		7.560.000
SV075IG5A-4	7.5KW	10HP	16A	-		8.260.000
SV110IG5A-4	11KW	15HP	24A	-		14.350.000
SV150IG5A-4	15KW	20HP	30A	-		15.620.000
SV185IG5A-4	18.5KW	25HP	39A	-		18.540.000
SV220IG5A-4	22KW	30HP	45A	-		20.130.000
Remote 2m (with LCD for SV-IG5A)			Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 2 mét			580.000
Remote 3m (with LCD for SV-IG5A)			Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 3 mét			640.000
Remote 5m (with LCD for SV-IG5A)			Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 5 mét			730.000

- GHI CHÚ:


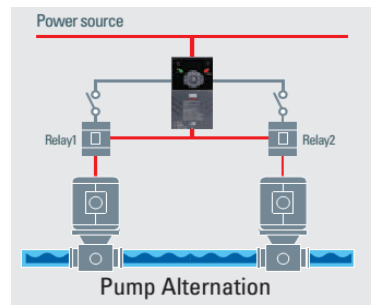
**HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)





Tên hàng	KW	HP	Overload capacity	Output (A)	Mô tả	Đơn giá (VND)
Loại 3 pha 200~230VAC (-15%~+10%)			Nomarl Duty	Normal Duty	Tích hợp màn hình, RS485 Modbus RTU, 2 relay điều khiển luân phiên 2 motor (Các tính năng còn lại tương tự iG5A) 	
INV,SV004IG5H-2	0,4	1/2PH	120% for 1 min.	2,5		3.100.000
INV,SV008IG5H-2	0,75	1	120% for 1 min.	5		3.350.000
INV,SV015IG5H-2	1,5	2	120% for 1 min.	8		3.880.000
INV,SV022IG5H-2	2,2	3	120% for 1 min.	12		4.470.000
INV,SV037IG5H-2	3,7	5	120% for 1 min.	16		5.050.000
INV,SV040IG5H-2	4	5,4	120% for 1 min.	17		5.050.000
INV,SV055IG5H-2	5,5	7,5	120% for 1 min.	24		7.570.000
INV,SV075IG5H-2	7,5	10	120% for 1 min.	32		8.480.000
Loại 3 pha 380~480VAC (-15%~+10%)			Overload capacity	Output (A)	Tích hợp màn hình, RS485 Modbus RTU, 2 relay điều khiển luân phiên 2 motor (Các tính năng còn lại tương tự iG5A) 	
INV,SV004IG5H-4	1/2PH	0,4	120% for 1 min.	1,25		3.330.000
INV,SV008IG5H-4	1	0,75	120% for 1 min.	2,5		3.520.000
INV,SV015IG5H-4	2	1,5	120% for 1 min.	4		3.860.000
INV,SV022IG5H-4	3	2,2	120% for 1 min.	6		4.390.000
INV,SV037IG5H-4	5	3,7	120% for 1 min.	8		5.220.000
INV,SV040IG5H-4	5,4	4	120% for 1 min.	9		5.220.000
INV,SV055IG5H-4	7,5	5,5	120% for 1 min.	12		7.340.000
INV,SV075IG5H-4	10	7,5	120% for 1 min.	16		8.020.000
Remote 2m (with LCD for SV-IG5A)					Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 2 mét	580.000
Remote 3m (with LCD for SV-IG5A)					Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 3 mét	640.000
Remote 5m (with LCD for SV-IG5A)					Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 5 mét	730.000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	: V/f, V/f PG, sensorless vector, sensored vector, CT/VT dual ratings, built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)	
SV0008IS7-2NO	0,75	1HP	5A	8A		7.700.000
SV0015IS7-2NO	1,5	2HP	8A	12A		8.010.000
SV0022IS7-2NO	2,2	3HP	12A	16A		8.500.000
SV0037IS7-2NO	3,7	5HP	16A	24A		8.800.000
SV0055IS7-2NO	5,5	7.5HP	24A	32A		9.850.000
SV0075IS7-2NO	7,5	10HP	32A	46A		10.890.000
SV0110IS7-2NO	11	15HP	46A	60A		17.190.000
SV0150IS7-2NO	15	20HP	60A	74A		19.260.000
SV0185IS7-2NO	18,5	25HP	74A	88A		25.940.000
SV0220IS7-2NO	22	30HP	88A	124A		29.390.000
SV0300IS7-2SO	30	40HP	116A	146A	3 phase, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	43.810.000
SV0370IS7-2SO	37	50HP	146A	180A		51.110.000
SV0450IS7-2SO	45	60HP	180A	220A		57.690.000
SV0550IS7-2SO	55	75HP	220A	288A		76.470.000
SV0750IS7-2SO	75	100HP	288A	345A		84.900.000
						3 phase, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, built-in keypad
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	Built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)/ Ứng dụng cho các tải nặng như băng tải, máy khuấy, máy nén..., N: Chưa có màn hình, D: Tích hợp DC Reactor, Từ 0.75-22Kw tích hợp DBU	
SV0008IS7-4NO	0,75	1HP	2.5A	4A		7.450.000
SV0015IS7-4NO	1,5	2HP	4A	6A		7.790.000
SV0022IS7-4NO	2,2	3HP	6A	8A		8.160.000
SV0037IS7-4NO	3,7	5HP	8A	12A		8.370.000
SV0055IS7-4NO	5,5	7.5HP	12A	16A		9.570.000
SV0075IS7-4NO	7,5	10HP	16A	24A		10.380.000
SV0110IS7-4NO	11	15HP	24A	30A		16.040.000
SV0150IS7-4NO	15	20HP	30A	39A		17.760.000
SV0185IS7-4NO	18,5	25HP	39A	45A		21.960.000
SV0220IS7-4NO	22	30HP	45A	61A		24.890.000
SV0300IS7-4NO	30	40HP	62A	75A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	37.180.000
SV0370IS7-4NO	37	50HP	75A	91A		40.380.000
SV0450IS7-4NO	45	60HP	92A	110A		47.760.000
SV0550IS7-4NO	55	75HP	111A	152A		52.910.000
SV0750IS7-4NO	75	100HP	152A	183A		62.770.000
						3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz
SV0008IS7-4NOFD	0,75	1HP	2.5A	4A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC, cuộn kháng DC	9.220.000
SV0015IS7-4NOFD	1,5	2HP	4A	6A		9.680.000
SV0022IS7-4NOFD	2,2	3HP	6A	8A		10.110.000
SV0037IS7-4NOFD	3,7	5HP	8A	12A		10.430.000
SV0055IS7-4NOFD	5,5	7.5HP	12A	16A		12.040.000
SV0075IS7-4NOFD	7,5	10HP	16A	24A		13.040.000
SV0110IS7-4NOFD	11	15HP	24A	30A		20.150.000
SV0150IS7-4NOFD	15	20HP	30A	39A		23.540.000
SV0185IS7-4NOFD	18,5	25HP	39A	45A		28.480.000
SV0220IS7-4NOFD	22	30HP	45A	61A		32.130.000
SV0300IS7-4NOD	30	40HP	65A	75A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	41.320.000
SV0370IS7-4NOD	37	50HP	75A	91A		45.980.000
SV0450IS7-4NOD	45	60HP	91A	110A		54.350.000
SV0550IS7-4NOD	55	75HP	110A	152A		60.750.000
SV0750IS7-4NOD	75	100HP	152A	183A		68.890.000
SV0900IS7-4SOD	90	125HP	183A	223A		105.380.000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)







Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
SV1100IS7-4SOD	110	150HP	223A	264A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	111.850.000
SV1320IS7-4SOD	132	175HP	264A	325A		123.950.000
SV1600IS7-4SOD	160	215HP	325A	370A		159.700.000
SV1850IS7-4SOD	185	250HP	370A	432A		216.440.000
SV2200IS7-4SOD	220	300HP	432A	547A		227.840.000
SV2800IS7-4SO	285	350HP	547A	613A		394.350.000
SV3150IS7-4SO	315	400HP	613A	731A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	483.530.000
SV3750IS7-4SO	375	500HP	731A	877A		519.870.000
SV-IS7 LCD Key pad					Bảng điều khiển màn hình màu dùng cho iS7 (đa ngôn ngữ: English, Italian, Spanish, Russian, Turkish)	1.060.000
Remote cable 2m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 2 mét	280.000
Remote cable 3m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 3 mét	300.000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VND)
Loại 1 pha 200~240VAC - IP20			HD	ND	V/f, fixed keypad, EMC filter(C2)	
LSLV0001M100-1EOFNS	0.1KW	1/8HP	0.8A	-	 <p>1 phase, 200~240VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz (Standard I/O: 3 Digital Inputs, 1 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 1 Relay)</p>	2.260.000
LSLV0002M100-1EOFNS	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		2.330.000
LSLV0004M100-1EOFNS	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		2.500.000
LSLV0008M100-1EOFNS	0.75KW	1HP	4.2A	-		2.650.000
LSLV0015M100-1EOFNS	1.5KW	2HP	7.5A	-		3.130.000
LSLV0022M100-1EOFNS	2.2KW	3HP	10A	-		3.420.000
Loại 1 pha 200~240VAC - IP20			HD	ND	V/f, fixed keypad, EMC filter(C2)	
LSLV0001M100-1EOFNA	0.1KW	1/8HP	0.8A	-	 <p>1 phase, 200~240VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz (Advanced I/O: 5 Digital Inputs, 2 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 2 Relay, RS485)</p>	2.440.000
LSLV0002M100-1EOFNA	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		2.520.000
LSLV0004M100-1EOFNA	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		2.680.000
LSLV0008M100-1EOFNA	0.75KW	1HP	4.2A	-		2.850.000
LSLV0015M100-1EOFNA	1.5KW	2HP	7.5A	-		3.370.000
LSLV0022M100-1EOFNA	2.2KW	3HP	10A	-		3.670.000
Loại 3 Pha 220~230VAC - IP20				ND	V/f, RS485(LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/OFF/AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt....	
LSLV0008H100-2CONN	0.75kW	1HP		6A	 <p>3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, IP20, built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter(C3)</p>	5.280.000
LSLV0015H100-2CONN	1.5kW	2HP		9.6A		5.630.000
LSLV0022H100-2CONN	2.2kW	3HP		12A		6.340.000
LSLV0037H100-2CONN	3.7kW	5HP		18A		7.130.000
LSLV0055H100-2CONN	5.5kW	7.5HP		22A		8.600.000
LSLV0075H100-2CONN	7.5kW	10HP		30A		9.810.000
LSLV0110H100-2CONN	11KW	15HP		42A		11.150.000
LSLV0150H100-2CONN	15KW	20HP		59A		15.010.000
LSLV0185H100-2CONN	18.5KW	25HP		69A		19.510.000
Loại 3 Phase 380~480VAC - IP20, IP00				ND		V/f, RS485(LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/ OFF/ AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt....
LSLV0008H100-4COFN	0.75kW	1HP		2.4A	 <p>3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, IP20, built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter(C3)</p>	5.580.000
LSLV0015H100-4COFN	1.5kW	2HP		4A		5.840.000
LSLV0022H100-4COFN	2.2kW	3HP		6A		6.300.000
LSLV0037H100-4COFN	3.7kW	5HP		8A		7.030.000
LSLV0055H100-4COFN	5.5kW	7.5HP		12A		7.950.000
LSLV0075H100-4COFN	7.5kW	10HP		16A		9.240.000
LSLV0110H100-4COFN	11KW	15HP		24A		10.380.000
LSLV0150H100-4COFN	15KW	20HP		30A		14.270.000
LSLV0185H100-4COFN	18.5KW	25HP		38A		17.020.000
LSLV0220H100-4COFN	22KW	30HP		45A		21.980.000
LSLV0300H100-4COFN	30KW	40HP		61A		25.960.000
LSLV0370H100-4COND	37KW	50HP		75A		33.210.000
LSLV0450H100-4COND	45KW	60HP		91A		39.950.000
LSLV0550H100-4COND	55KW	75HP		107A		46.650.000
LSLV0370H100-4COFD	37KW	50HP		75A	36.400.000	
LSLV0450H100-4COFD	45KW	60HP		91A	43.680.000	
LSLV0550H100-4COFD	55KW	75HP		107A	51.010.000	
LSLV0750H100-4COFD	75KW	100HP		142A	52.200.000	
LSLV0900H100-4COFD	90KW	125HP		169A	63.370.000	
LSLV1100H100-4COFD	110KW	150HP		223	92.560.000	
LSLV1320H100-4COFD	132KW	200HP		264	97.760.000	
LSLV1600H100-4COFD	160KW	250HP		325	112.480.000	
LSLV1850H100-4COFD	185KW	300HP		370	128.960.000	
LSLV2200H100-4COFD	220KW	350HP		432	151.840.000	

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)	Mô tả	Đơn giá (VND)
LSLV2500H100-4COFD	250KW	400HP	481	220kW(350HP), 3 phase, 380~500VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP00, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	171.600.000
LSLV3150H100-4COFD	315KW	500HP	613		376.480.000
LSLV3550H100-4COFD	355KW	550HP	683		416.000.000
LSLV4000H100-4COFD	400KW	650HP	770		468.000.000
LSLV5000H100-4COFD	500KW	800HP	962		513.760.000

- GHI CHÚ:


**HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng		KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VND)
Loại 1 pha 200~240VAC (Protection degree IP20)				HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy nén, máy cán...)	
LSLV0004S100-1EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	1 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	4.580.000	
LSLV0008S100-1EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		4.910.000	
LSLV0015S100-1EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		5.520.000	
LSLV0022S100-1EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		5.920.000	
Loại 3 Pha 200~240VAC (Protection degree IP20)				HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-2EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	 <p>3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch</p>	3.840.000	
LSLV0008S100-2EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		4.150.000	
LSLV0015S100-2EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		4.790.000	
LSLV0022S100-2EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		5.520.000	
LSLV0037S100-2EONNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		6.260.000	
LSLV0040S100-2EONNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		6.260.000	
LSLV0055S100-2EONNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		8.960.000	
LSLV0075S100-2EONNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		10.040.000	
LSLV0110S100-2EONNS	11/15kw	15HP	46A	-		16.040.000	
LSLV0150S100-2EONNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		18.580.000	
Loại 3 Pha 380~480VAC (Protection degree IP20)				HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-4EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	4.120.000	
LSLV0008S100-4EONNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		4.350.000	
LSLV0015S100-4EONNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		4.760.000	
LSLV0022S100-4EONNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		5.420.000	
LSLV0037S100-4EONNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		6.460.000	
LSLV0040S100-4EONNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		6.460.000	
LSLV0055S100-4EOFNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, EMC filter(C3), control terminal I/O 5mm pitch	8.690.000	
LSLV0075S100-4EOFNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		9.500.000	
LSLV0110S100-4EOFNS	11/15kw	15HP	24A	-		15.260.000	
LSLV0150S100-4EOFNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		16.890.000	
LSLV0185S100-4EOFNS	18.5/22kw	25HP	39A	-		19.780.000	
LSLV0220S100-4EOFNS	22/30kw	30HP	45A	-		22.420.000	
LSLV0300S100-4CONDNS	30/37kw	40HP	61A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, detachable LCD keypad, built-in DC reactor, control terminal I/O 5mm pitch	35.160.000	
LSLV0370S100-4CONDNS	37/45kw	50HP	75A	-		39.590.000	
LSLV0450S100-4CONDNS	45/55kw	60HP	91A	-		45.150.000	
LSLV0550S100-4CONDNS	55/75kw	75HP	110A	-		51.700.000	
LSLV0750S100-4CONDNS	75/90kw	100HP	152A	-		56.540.000	
Loại 3 Pha 200~230VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))				HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-2EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-		7.660.000	
LSLV0008S100-2EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		8.290.000	
LSLV0015S100-2EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		9.590.000	

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)	
LSLV0022S100-2EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-	3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	11.040.000	
LSLV0037S100-2EXNNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		11.260.000	
LSLV0040S100-2EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		11.260.000	
LSLV0055S100-2EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		14.350.000	
LSLV0075S100-2EXNNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		16.060.000	
LSLV0110S100-2EXNNS	11/15kw	15HP	46A	-		24.040.000	
LSLV0150S100-2EXNNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		27.880.000	
Loại 3 Phase 380~480VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))			HD	ND		Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)	
LSLV0004S100-4EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	8.220.000	
LSLV0008S100-4EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		8.690.000	
LSLV0015S100-4EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		9.540.000	
LSLV0022S100-4EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		10.840.000	
LSLV0037S100-4EXNNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		11.630.000	
LSLV0040S100-4EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		11.630.000	
LSLV0055S100-4EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-		13.050.000	
LSLV0075S100-4EXNNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		14.470.000	
LSLV0110S100-4EXNNS	11/15kw	15HP	24A	-		20.460.000	
LSLV0150S100-4EXNNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		22.600.000	
LSLV0185S100-4EXNNS	18.5/22kw	25HP	39A	-		25.020.000	
LSLV0220S100-4EXNNS	22/30kw	30HP	45A	-		27.180.000	
Phụ kiện dùng cho LSLV S100:							
CANOpen(LSLV-S100),CCAN-S100						2.160.000	
Profibus-DP(LSLV-S100),CPDP-S100						3.360.000	
Ethernet(LSLV-S100),CENT-S100						1.920.000	

- GHI CHÚ:

**HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Dynamic Braking Unit (DBU) Bộ Transistor để gắn Điện trở xả vào.			
Dynamic Braking Unit (DBU) - 200~230V			
	LSLV0150DBU-2LN	Brake unit for 15kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3.280.000
	LSLV0220DBU-2LN	Brake unit for 22kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3.800.000
	LSLV0370DBU-2LN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4.530.000
	LSLV0370DBU-2HN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	10.440.000
	LSLV0750DBU-2LN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5.860.000
	LSLV0750DBU-2HN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	14.920.000
	LSLV0900DBU-2HN	Brake unit for 90kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	16.710.000
Dynamic Braking Unit (DBU) - 380~400V			
	LSLV0150DBU-4LN	Brake unit for 15kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3.280.000
	LSLV0220DBU-4LN	Brake unit for 22kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3.800.000
	LSLV0370DBU-4LN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4.530.000
	LSLV0370DBU-4HN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	9.950.000
	LSLV0750DBU-4LN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5.860.000
	LSLV0750DBU-4HN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	14.220.000
	INV,SV750DB-4	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	14.970.000
	LSLV0900DBU-4HN	Brake unit for 90kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	15.920.000
	LSLV1320DBU-4HN	Brake unit for 132kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	17.830.000
	LSLV1600DBU-4HN	Brake unit for 160kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	19.970.000
	LSLV2200DBU-4HN	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	20.730.000
	INV,SV2200DB-4	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	21.820.000
External brake resistors (Điện trở xả)		Temperature range: -50~200°C , Insulation resistance: over 100MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max	
	MCRA 50W 1.8K OHM J	50 wat, 1800ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	110.000
	MCRA 100W 1.2K OHM J	100 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	120.000
	MCRA 200W 1.2K OHM J	200 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	210.000
	MCRA 100W 900 OHM J	100 wat, 900ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	120.000
	MCRA 150W 600 OHM J	150 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	160.000
	MCRA 200W 450 OHM J	200 wat, 450ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	210.000
	MCRA 50W 400 OHM J	50 wat, 400ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	110.000
	MCRA 100W 300 OHM J	100 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	120.000
	MCRA 200W 300 OHM J	200 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	210.000
	MCRA 100W 200 OHM J	100 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	120.000
	MCRA 150W 150 OHM J	150 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	160.000
	MCRA 200W 100 OHM J	200 wat, 100ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	210.000
	MCRF 300W 600 OHM J	300 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	360.000
	MCRF 300W 300 OHM J	300 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	360.000
	MCRF 600W 300 OHM J	600 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520.000
	MCRF 400W 200 OHM J	400 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	440.000
	MCRF 800W 200 OHM J	800 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	580.000
	MCRF 300W 150 OHM J	300 wat, 1500ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	360.000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	MCRF 600W 130 OHM J	600 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520.000
	MCRF 1.2kW 130 OHM J	1200 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	720.000
	MCRF 700W 120 OHM J	700 wat, 120ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	570.000
	MCRF 1kW 90 OHM J	1000 wat, 90ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	620.000
	MCRF 1kW 85 OHM J	1000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	620.000
	MCRF 2kW 85 OHM J	2000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.190.000
	MCRF 300W 60 OHM J	300 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	360.000
	MCRF 600W 60 OHM J	600 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520.000
	MCRF 1.2kW 60 OHM J	1200 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	720.000
	MCRF 400W 50 OHM J	400 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	440.000
	MCRF 800W 50 OHM J	800 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	580.000
	MCRF 2kW 45 OHM J	2000 wat, 45ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.190.000
	MCRF 500W 40 OHM J	500 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	470.000
	MCRF 2kW 40 OHM J	2000 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.190.000
	MCRF 1.6kW 33.9 OHM J	1600 wat, 33.9ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	910.000
	MCRF 600W 33 OHM J	600 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520.000
	MCRF 1.2kW 33 OHM J	1200 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	720.000
	MCRF 800W 20 OHM J	800 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	580.000
	MCRF 1.6kW 20 OHM J	1600 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	910.000
	MCRF 1.2kW 15 OHM J	1200 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	720.000
	MCRF 1.6kW 8.5 OHM J	1600 wat, 8.5ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	910.000
	MCRS 2.4kW 60 OHM J	2400 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.750.000
	MCRS 2.4kW 35 OHM J	2400 wat, 35ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.750.000
	MCRS 2.4kW 30 OHM J	2400 wat, 30ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.750.000
	MCRS 2.4kW 22.8 OHM J	2400 wat, 22.8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.750.000
	MCRS 2.4kW 15 OHM J	2400 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.750.000
	MCRS 2.4kW 10 OHM J	2400 wat, 10ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.750.000
	MCRS 2.4kW 8 OHM J	2400 wat, 8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.750.000
	MCRS 2.4kW 5.7 OHM J	2400 wat, 5.7ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1.750.000
Brake resistors (Case package type with thermostat sensor)		Temperature range: -50~200°C , Insulation resistance: over 20MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max, Thermostat sensor: B contact	
	MCRF-ST 1.2kW 60 OHM J	1200 watt, 60 ohm resistor,	2.390.000
	MCRF-ST 2kW 45 OHM J	2000 watt, 45 ohm resistor	2.780.000
	MCRF-ST 2kW 40 OHM J	2000 watt, 40 ohm resistor	2.780.000
	MCRF-ST 4kW 40 OHM J	4000 watt, 40 ohm resistor	4.700.000
	MCRF-ST 2.4kW 35 OHM	2400 watt, 35 ohm resistor	3.280.000
	MCRF-ST 1.6kW 33.9 OHM J	1600 watt, 33.9 ohm resistor	2.780.000
	MCRF-ST 2.4kW 30 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	3.280.000
	MCRF-ST 4.8kW 30 OHM J	4800 watt, 30 ohm resistor	5.620.000
	MCRF-ST 2.4kW 22.8 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	3.280.000
	MCRF-ST 3.6kW 20 OHM J	3600 watt, 20 ohm resistor	4.150.000
	MCRF-ST 7.2kW 20 OHM J	7200 watt, 20 ohm resistor	6.840.000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
MCRF-ST 3.2kW 16.9 OHM J	3200 watt, 16.9 ohm resistor	4.150.000
MCRF-ST 1.2kW 15 OHM J	1200 watt, 15 ohm resistor	2.390.000
MCRF-ST 5kW 12 OHM J	5000 watt, 12 ohm resistor	5.620.000
MCRF-ST 10kW 12 OHM J	10000 watt, 12 ohm resistor	9.570.000
MCRF-ST 4.8kW 11.4 OHM J	4800 watt, 11.4 ohm resistor	5.620.000
MCRF-ST 2.4kW 10 OHM J	2400 watt, 10 ohm resistor	3.280.000
MCRF-ST 4.8kW 10 OHM J	4800 watt, 10 ohm resistor	5.620.000
MCRF-ST 6.4kW 10 OHM J	6400 watt, 10 ohm resistor	6.800.000
MCRF-ST 12.8kW 10 OHM J	12800 watt, 10 ohm resistor	12.200.000
MCRF-ST 1.6kW 8.5 OHM J	1600 watt, 8.5 ohm resistor	2.780.000
MCRF-ST 6.4kW 8.4 OHM J	6400 watt, 8.4 ohm resistor	6.800.000
MCRF-ST 7.2kW 8.4 OHM J	7200 watt, 8.4 ohm resistor	6.840.000
MCRF-ST 14.4kW 8.4 OHM J	14400 watt, 8.4 ohm resistor	12.670.000
MCRF-ST 2.4kW 8 OHM J	2400 watt, 8 ohm resistor	3.280.000
MCRF-ST 4.8kW 8 OHM J	4800 watt, 8 ohm resistor	5.620.000
MCRF-ST 10kW 6 OHM J	10000 watt, 6 ohm resistor	9.570.000
MCRF-ST 20kW 6 OHM J	20000 watt, 6 ohm resistor	17.820.000
MCRF-ST 2.4kW 5.7 OHM J	2400 watt, 5.7 ohm resistor	3.280.000
MCRF-ST 3.6kW 5 OHM J	3600 watt, 5 ohm resistor	4.150.000
MCRF-ST 7.2kW 5 OHM J	7200 watt, 5 ohm resistor	6.840.000
MCRF-ST 13kW 5 OHM J	13000 watt, 5 ohm resistor	12.200.000
MCRF-ST 26kW 5 OHM J	26000 watt, 5 ohm resistor	24.860.000
MCRF-ST 3.2kW 4.2 OHM J	3200 watt, 4.2 ohm resistor	4.150.000
MCRF-ST 16kW 4 OHM J	16000 watt, 4 ohm resistor	16.420.000
MCRF-ST 32kW 4 OHM J	32000 watt, 4 ohm resistor	29.550.000
MCRF-ST 20kW 3.4 OHM J	20000 watt, 3.4 ohm resistor	17.820.000
MCRF-ST 40kW 3.4 OHM J	40000 watt, 3.4 ohm resistor	34.710.000
MCRF-ST 5kW 3 OHM J	5000 watt, 3 ohm resistor	5.620.000
MCRF-ST 10kW 3 OHM J	10000 watt, 3 ohm resistor	9.570.000
MCRF-ST 4.8kW 2.8 OHM J	4800 watt, 2.8 ohm resistor	5.620.000
MCRF-ST 24kW 2.8 OHM J	24000 watt, 2.8 ohm resistor	23.450.000
MCRF-ST 48kW 2.8 OHM J	48000 watt, 2.8 ohm resistor	42.210.000
MCRF-ST 6kW 2.4 OHM J	6000 watt, 2.4 ohm resistor	6.330.000
MCRF-ST 12kW 2.4 OHM J	12000 watt, 2.4 ohm resistor	11.720.000
MCRF-ST 26kW 2.4 OHM J	26000 watt, 2.4 ohm resistor	24.860.000
MCRF-ST 52kW 2.4 OHM J	52000 watt, 2.4 ohm resistor	57.690.000
MCRF-ST 7.5kW 2 OHM J	7500 watt, 2 ohm resistor	7.510.000
MCRF-ST 15kW 2 OHM J	15000 watt, 2 ohm resistor	12.670.000
MCRF-ST 30kW 2 OHM J	30000 watt, 2 ohm resistor	26.970.000
MCRF-ST 60kW 2 OHM J	60000 watt, 2 ohm resistor	60.980.000
MCRF-ST 10kW 1.5 OHM J	10000 watt, 1.5 ohm resistor	9.570.000
MCRF-ST 20kW 1.5 OHM J	20000 watt, 1.5 ohm resistor	17.820.000
MCRF-ST 13kW 1.2 OHM J	13000 watt, 1.2 ohm resistor	12.200.000
MCRF-ST 26kW 1.2 OHM J	26000 watt, 1.2 ohm resistor	24.860.000